

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/DS-ST

Ngày: 06/11/2018.

“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản (tiền)”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Phong;
2. Ông Lê Thanh Khởi.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần B;

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà Capital Tower, số 1, đường Trần Hưng Đ, phường Cửa N, Quận Hoàn K, thành phố Hà N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng L (Theo Quyết định ủy quyền số 452A/2018/QĐ-LiênvietPostBank.CNST ngày 09/8/2018).

Địa chỉ: Số 1, đường Hùng V, ấp Cầu Đ, thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2018 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Phạm Hoàng L, là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Văn Đ vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1701/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 18/11/2016, cụ thể như sau: Số tiền vay 140.000.000 đồng; Thời hạn cho vay là 60 tháng; Phương thức cho vay từng lần; Kỳ hạn trả nợ vào ngày 10 hàng tháng, lãi vay tính theo dư nợ thực tế; Kỳ hạn trả nợ gốc được chia làm 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 2.340.000 đồng, cố định vào ngày 10 hàng tháng. Kỳ cuối trả 1.940.000 đồng. Ngày trả nợ cuối cùng ngày 17/11/2021. Mục đích sử dụng vốn tiêu dùng hợp pháp (sửa chữa nhà và mua sắm đồ gia dụng); Lãi suất cho vay 12%/năm; Lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn; Cho vay không có tài sản bảo đảm. Do ông Đ không trả được nợ theo cam kết, nên khoản vay của ông Trần Văn Đ đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20/8/2017. Trong quá trình vay ông Đ đã thanh toán tiền gốc là 18.720.000 đồng và tiền lãi từ ngày 18/11/2016 đến ngày 10/8/2017 số tiền là 10.269.721 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 06/11/2018 là 145.043.448 đồng (trong đó nợ gốc 121.280.000 đồng, lãi trong hạn 19.556.128 đồng, lãi quá hạn là 4.207.320 đồng) và tiếp tục tính lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1701/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 18/11/2016

Đối với bị đơn ông Trần Văn Đ: Ông Đ đã bỏ địa phương, không cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới nên sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Đ được. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông Đ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông Trần Văn Đ chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc và lãi tổng cộng 145.043.448 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Văn Đ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Đ vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B ký hợp đồng tín dụng cho ông Đ vay tiền với mục đích sửa chữa nhà và mua sắm đồ gia dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ trả nợ không đúng như thỏa thuận, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền vay vốn và lãi còn thiếu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền).

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Đ có địa chỉ ấp Mỹ T, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Đ trả số tiền vay còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/11/2018) bao gồm tiền gốc và lãi là 145.043.448 đồng, trong đó tiền gốc vay là 121.280.000 đồng, lãi trong hạn 19.556.128 đồng, lãi quá hạn là 4.207.320 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo thỏa thuận tại Điều 2 và Điều 4 của hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1701/2016/HĐTD/CNSocTrang, ký ngày 18/11/2016, thì kỳ hạn trả nợ gốc được chia làm 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 2.340.000 đồng, cố định vào ngày 10 hàng tháng. Kỳ cuối trả 1.940.000 đồng vào ngày hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ hết hạn ngày 17/11/2021. Trong quá trình vay ông Đ đã thanh toán tiền gốc đến ngày 10/7/2017 số tiền là 18.720.000 đồng và tiền lãi đến ngày 10/8/2017 số tiền là 10.269.721 đồng. Từ ngày 11/8/2017 đến nay ông Đ không thực hiện đúng như thỏa thuận. Như vậy ông Đ đã vi phạm hợp đồng. Cho nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ thanh toán tiền gốc và lãi.

[5] Theo án lệ số 08/2016AL về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng, tổ chức tín dụng với khách hàng vay, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay”*.

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010. Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005 và án lệ số 08/2016AL, có đủ cơ sở để buộc bị đơn trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/11/2018) số tiền gốc và lãi là 145.043.448. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 06/11/2018), ông Đơ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1701/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 18/11/2016, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay. Như vậy, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Ông Đ phải chịu là 7.252.172 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005. Án lệ số 08/2016AL được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B. Buộc bị đơn ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng

Thương mại Cổ phần B số tiền vay tổng cộng 145.043.448 đồng, (trong đó, tiền gốc là 121.280.000 đồng và tiền lãi trong hạn 19.556.128 đồng và lãi quá hạn là 4.207.320 đồng).

2. Kể từ ngày 07/11/2018 bị đơn chưa thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi quá hạn cho nguyên đơn mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1701/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 18/11/2016, đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

3. Về án dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Trần Văn Đ phải chịu là 7.252.172 đồng.

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.327.000 đồng, theo biên lai số 0000077 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh